

Số: 4069 /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt định mức xe ô tô công tác chung và xe ô tô chuyên dùng
giao các đơn vị Ngân hàng Nhà nước quản lý và sử dụng**

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ đề xuất của các đơn vị thuộc, trực thuộc NHNN;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính – Kế toán tại Tờ trình số 879./TTr-TCKT3 ngày 29./12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt định mức xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng giao các đơn vị Ngân hàng Nhà nước quản lý, sử dụng. (Chi tiết theo Phụ lục số 1,2 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 254/QĐ-NHNN ngày 21/02/2024 của Thống đốc NHNN phê duyệt định mức xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng trên 16 chỗ giao các đơn vị NHNN quản lý và Quyết định số 964/QĐ-NHNN ngày 26/5/2023 của Thống đốc NHNN phê duyệt định mức xe ô tô chuyên dùng chở tiền, hộ tổng chở tiền giao các đơn vị NHNN quản lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thống đốc NHNN (để b/cáo);
- PTĐ Phạm Tiến Dũng (để b/cáo);
- Bộ Tài chính (để b/cáo);
- Lưu VP, TCKT3,5. NTAThư.





Phụ lục I

ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CÔNG TÁC CHUNG GIAO CÁC ĐƠN VỊ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG

(Đính kèm Quyết định số 069/QĐ-NHNN ngày 30.12/2025)

1. Số lượng xe

Đơn vị: Chiếc

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Xe 4-5 chỗ	Xe 7-8 chỗ		Xe 12-16 chỗ
				Tổng số xe 7-8 chỗ	Trong đó: số lượng xe 2 cầu	
A	Các đơn vị NHNN	174	50	81	43	43
I	Các đơn vị tại trụ sở chính	49	20	19	17	10
1	Văn phòng	45	20	15	15	10
2	Cục CNTT	3		3	2	
3	Chi cục CNTT	1		1		
II	NHNN chi nhánh khu vực	125	30	62	26	33
4	Khu vực 1	5	1	3		1
5	Khu vực 2	13	5	6	2	2
6	Khu vực 3	7	1	4	4	2
7	Khu vực 4	11	2	6	4	3
8	Khu vực 5	7	1	4	3	2
9	Khu vực 6	6	1	3		2
10	Khu vực 7	7	2	3	1	2
11	Khu vực 8	12	3	6	3	3
12	Khu vực 9	11	1	7	4	3
13	Khu vực 10	10	1	5	2	4
14	Khu vực 11	10	3	5	2	2
15	Khu vực 12	6	2	2		2

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Xe 4-5 chỗ	Xe 7-8 chỗ		Xe 12-16 chỗ
				Tổng số xe 7-8 chỗ	Trong đó: số lượng xe 2 cầu	
16	Khu vực 13	6	2	2		2
17	Khu vực 14	8	3	3	1	2
18	Khu vực 15	6	2	3		1
B	Đơn vị sự nghiệp	16	4	10	6	2
19	Trung tâm Thông tin tin dụng Quốc gia	4	1	3	2	0
20	Thời báo Ngân hàng	2	1	1	1	
21	Học viện Ngân hàng	7	2	4	2	1
22	Trường Đại học ngân hàng	3		2	1	1
	Tổng cộng	190	54	91	49	45

2. Về giá mua xe tối đa

- Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

- Trong tổng số xe công tác được giao, Văn phòng được trang bị 01 xe với mức giá tối đa 4.500 triệu đồng/xe và 02 xe với mức giá tối đa 2.800 triệu đồng/xe.



Phụ lục II

**ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG GIAO CÁC ĐƠN VỊ NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG**

(Đính kèm Quyết định số 4069/QĐ-NHNN ngày 30/12/2025)

I. Xe ô tô chuyên dùng trên 16 chỗ

1. Về số lượng:

- Văn phòng: 4 xe ô tô 29 chỗ.
- Học viện Ngân hàng: 4 xe ô tô 29 chỗ.

2. Về mức giá tối đa đối với xe ô tô 29 chỗ là: 2.600 triệu đồng/xe.

3. Đối với các đơn vị tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư (Trung tâm thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam - CIC, Trường Đại học Ngân hàng), Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp (trong trường hợp đơn vị sự nghiệp không có Hội đồng quản lý) có trách nhiệm ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của đơn vị.

II. Xe chuyên dùng chở tiền và hộ tổng chở tiền

1. Về số lượng

STT	Tên đơn vị	Tổng số xe	Loại xe	
			Xe chở tiền	Xe hộ tổng chở tiền
1	Cục Phát hành và Kho quỹ	30	13	17
2	Chi cục Phát hành và Kho quỹ	19	8	11
3	NHNN chi nhánh khu vực 4	1		1
4	NHNN chi nhánh khu vực 8	1		1
5	NHNN chi nhánh khu vực 9	1		1
6	NHNN chi nhánh khu vực 11	15	6	9
7	NHNN chi nhánh khu vực 14	1		1
	Tổng số	68	27	41

2. Về mức giá tối đa

- Đối với xe ô tô chở tiền: 5.000 triệu đồng/xe;
- Đối với xe ô tô hộ tổng chở tiền: 4.100 triệu đồng/xe.

3. Về thông số kỹ thuật đối với xe chở tiền và hộ tổng chở tiền

3.1. Thông số kỹ thuật đối với xe chở tiền

- Là xe ô tô tải chuyên dùng chở tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá; hoạt động tốt trên các tuyến đường đồng bằng, trung du và miền núi, tải trọng 5 tấn trở lên, cabin thiết kế 3 chỗ ngồi. Cửa cabin tăng cường khóa an toàn bên trong.

- Khoang chở tiền được đóng thùng kín, có 3 lớp: lớp ngoài bọc thép được xử lý chống gỉ dày tối thiểu 2 milimét; lớp giữa bằng vật liệu tổng hợp chống cháy; trong cùng là lớp hợp kim chống gỉ dày tối thiểu 1,5 milimét, riêng sàn xe sử dụng lớp thép có bề mặt phẳng dày tối thiểu 04 milimét. Cửa khoang chở tiền ở phía sau xe, có hai cánh, mở hết áp vào hai mặt bên thùng xe, cài đóng bằng thanh chặn, có bản lề, có khóa chắc chắn, chống cạy phá. Khoang chở tiền được trang bị đèn chiếu sáng, thiết bị báo động chống đột nhập, thiết bị báo cháy.

- Hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh:

- + Có thiết bị thông tin liên lạc bằng bộ đàm đảm bảo thông tin liên lạc trên đường giữa các xe trong đoàn vận chuyển tiền của Ngân hàng Nhà nước;

- + Có thiết bị định vị giám sát hành trình (GPS), đảm bảo kết nối với hệ thống quản lý, giám sát xe của Ngân hàng Nhà nước;

- + Hệ thống đèn, còi báo động đột nhập cửa khoang chở tiền, báo cháy... đặt ở cabin;

- + Có hệ thống phát tín hiệu báo động nếu khoang chở tiền chưa đóng;

- + Trang bị đủ phương tiện chữa cháy;

- + Trang bị các hệ thống đảm bảo an ninh khác theo yêu cầu.

- Kiểu dáng xe không khác biệt nhiều so với các xe ô tô vận tải khác.

3.2. Thông số kỹ thuật đối với xe hộ tống chở tiền

- Là xe ô tô chở người, thực hiện nhiệm vụ dẫn đường, áp tải và chở lực lượng cảnh sát bảo vệ để hộ tống việc vận chuyển tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước.

- Xe có thiết kế cao, tầm nhìn thoáng; hệ thống cửa xe rộng, có khoang chở người thông với khoang hành lý. Khung xe có kết cấu chắc chắn, cân bằng xe tốt, lòng xe rộng, có đủ không gian tác chiến cho lực lượng cảnh sát bảo vệ; gầm cao, động cơ công suất lớn, hệ thống truyền động đáp ứng khả năng vận hành cơ động tốt trên các tuyến đường đồng bằng, trung du và miền núi, cụ thể:

- + Đối với xe dưới 09 chỗ: thể tích làm việc của động cơ từ 2.600cm³ trở lên hoặc công suất lớn nhất/tốc độ quay phù hợp (Max. output/rpm) từ 122kW trở lên;

- + Đối với xe từ 09 chỗ đến 17 chỗ: thể tích làm việc của động cơ từ 2.400cm³ trở lên hoặc công suất lớn nhất/tốc độ quay phù hợp (Max. output/rpm) từ 103kW trở lên.

- Hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh:

- + Có thiết bị thông tin liên lạc bằng bộ đàm đảm bảo thông tin liên lạc trên đường giữa các xe trong đoàn vận chuyển tiền của Ngân hàng Nhà nước;
- + Trang bị đủ phương tiện chữa cháy;
- + Có thiết bị định vị giám sát hành trình (GPS), đảm bảo kết nối với hệ thống quản lý, giám sát xe của Ngân hàng Nhà nước;
- + Có giá treo hoặc nơi bảo quản vũ khí, bảo quản thiết bị thông tin liên lạc, phương tiện tác chiến theo yêu cầu đặc thù của lực lượng cảnh sát bảo vệ;
- + Trang bị các hệ thống đảm bảo an ninh khác theo yêu cầu.
- Kiểu dáng, màu sơn xe theo nguyên gốc của nhà sản xuất.

